

NIÊN KHÓA 2021

ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH DU HỌC SINH

Trường học pháp nhân Học viện Khoa học Công nghệ Yomiuri

TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI

Khoa Thông tin Truyền thông, Khoa Kiến trúc ,

Khoa Điện khí Điện tử, Khoa Phát thanh Truyền hình

Khoa Phúc lợi Điều dưỡng

TRƯỜNG CHUYÊN MÔN Ô TÔ YOMIURI

Khoa Bảo trì và Sửa chữa ô tô, Khoa Bảo trì và Sửa chữa ô tô cấp bậc 1

MỤC LỤC

Khoa tuyển sinh	Trang 2
Điều kiện nhập học	Trang 2
Trình tự nhập học	Trang 3
Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật	Trang 4
Nộp đơn xin nhập học, kì thi nhập học	Trang 5
Chế độ hỗ trợ học phí	Trang 8
Học phí	Trang 9
Các khoản phí khác ngoài học phí	Trang 12
Danh sách các trường được chỉ định	Trang 13, 14
Các buổi tư vấn tuyển sinh, tham quan trường dành cho du học sinh	Trang 15, 16

“Chuyên viên senmonshi” là gì

“Chuyên viên senmonshi” là thuật ngữ được hình thành để chỉ chế độ đánh giá tương ứng với thành quả học tập tại các trường chuyên môn tại Nhật Bản (Senmon gakko). Sinh viên hoàn thành khóa học 2 năm trở lên tại các trường Senmon được Bộ trưởng Bộ Giáo dục công nhận, thì sẽ được chứng nhận danh hiệu này. Ngoài ra, người được cấp chứng nhận “chuyên viên senmonshi” còn có cơ hội liên thông lên bậc đại học.

Tại trường chúng tôi, sinh viên tốt nghiệp các khóa học trên 2 năm sẽ được cấp chứng nhận “chuyên viên senmonshi”, sinh viên tốt nghiệp khóa học 4 năm sẽ được cấp bằng chứng nhận “chuyên viên cao cấp kodo senmonshi”.

KHOA TUYỂN SINH

TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI

※Chỉ tiêu bao gồm cả người Nhật

KHÓA HỌC	Tên khoa	Năm Học	Chỉ tiêu
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆP	Khoa Thông tin Truyền thông	2 năm	40 sinh viên
	Khoa Kiến trúc	2 năm	40 sinh viên
	Khoa Điện khí Điện tử	2 năm	40 sinh viên
	Khoa Phát thanh Truyền hình	2 năm	80 sinh viên
CHUYÊN NGÀNH PHÚC LỢI XÃ HỘI	Khoa Phúc lợi Điều dưỡng	2 năm	40 sinh viên

TRƯỜNG CHUYÊN MÔN ÔTÔ YOMIURI

※Chỉ tiêu bao gồm cả người Nhật

KHÓA HỌC	Tên khoa	Năm Học	Chỉ tiêu
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆP	Khoa Bảo trì và Sửa chữa ô tô	2 năm	240 sinh viên
	Khoa Bảo trì và Sửa chữa ô tô cấp bậc 1	4 năm	40 sinh viên

ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC

Du học sinh có nguyện vọng vào trường vui lòng đáp ứng các điều kiện từ mục 1 đến mục 5 dưới đây:

1. Từ 18 tuổi trở lên, đã hoàn thành xong 12 năm chương trình giáo dục phổ thông (tốt nghiệp cấp 3).
2. Tại thời điểm nhập học phải có trên 6 tháng học tại các trường tiếng Nhật (trường có tên trong danh sách công bố của Bộ Tư Pháp) . Đối với du học sinh học ở các trường học tại Nhật Bản (tiểu học, trung học, trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, cao học...theo quy định trong bộ luật năm Chiêu Hòa 22 chương 26 điều 1 về trường học, trừ trường mẫu giáo) thì phải có thời gian theo học từ 1 năm trở lên và có tỷ lệ chuyên cần tốt.
3. Có 1 trong 4 bằng chứng nhận tiếng Nhật sau đây:
 - ① Đủ kì thi năng lực tiếng Nhật JLPT trình độ N2 trở lên
 - ② Kết quả của kì thi Du học Nhật Bản EJU môn tiếng Nhật đạt trên 200 điểm.
 - ③ Có thành tích trên 400 điểm tại kì thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT
 - ④ Vượt qua kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật do trường tổ chức.
4. Có địa chỉ liên lạc rõ ràng trong thời gian lưu trú tại Nhật.
5. Có khả năng chi trả học phí và sinh hoạt phí trong suốt thời gian theo học tại trường.

TRÌNH TỰ NHẬP HỌC

THAM QUAN TRƯỜNG

Đến tham quan trường, hoặc tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh v.v. để nhận những giấy tờ cần thiết trong hồ sơ ứng tuyển.

- ※ Cần đăng ký trước khi đến trường (hạn đăng ký là trước ngày đến trường 1 ngày)
- ※ Xem trang 15,16 để tham khảo lịch trình các buổi tư vấn tuyển sinh

◎ Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT trình độ N2 trở lên

◎ Kỳ thi Du học Nhật Bản EJU môn tiếng Nhật đạt trên 200 điểm

◎ Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật thương mại BJT đạt trên 400 điểm

【CÓ】

【KHÔNG】

Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật

Đối với du học sinh chưa có chứng nhận tiếng Nhật được liệt kê phía trên, trước khi nộp hồ sơ ứng tuyển hãy tham dự Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật do trường tổ chức. Thông tin chi tiết xem tại trang 4.

Nộp hồ sơ xin nhập học

Sau khi chuẩn bị xong hồ sơ xin nhập học cùng những giấy tờ cần thiết, thí sinh cần trực tiếp mang đến trường nộp. Cần liên hệ đặt lịch hẹn trước khi đến trường.

Kì thi nhập học

Thí sinh đến dự thi đúng ngày giờ thi đã được quy định. Kết quả thi sẽ được gửi về địa chỉ của thí sinh qua đường bưu điện. Thông tin chi tiết xem tại trang 5 đến trang 7.

Thủ tục nhập học

Chuyển khoản học phí và nộp các giấy tờ cần thiết trong thời hạn làm thủ tục nhập học (2 tuần kể từ ngày thi). Đối với thí sinh dự thi các đợt thi nhập học đến tháng 12 (từ đợt 1 đến đợt 6) thì có thể đóng tiền nhập học và tiền học phí kì đầu (tuần cuối tháng 2) thành 2 đợt. Thí sinh có thể nhận “Giấy phép nhập học” sau khi đã nộp xong tiền nhập học và học phí kì đầu. Lưu ý, trường hợp quá hạn làm thủ tục nhập học nhưng không liên lạc với nhà trường thì kết quả thi đỗ sẽ bị huỷ bỏ.

Nhập học

Trước Lễ nhập học vào đầu tháng 4, nhà trường sẽ tổ chức một buổi hướng dẫn về các hoạt động sinh hoạt tại trường cho sinh viên mới nhập học. Lễ nhập học được tổ chức chung cả 2 trường Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri, cùng với Trường chuyên môn ô tô Yomiuri vào thứ Sáu ngày mùng 9 tháng 4.

【LƯU Ý】 Trường hợp có thời hạn lưu trú đến trước tháng 5, hoặc trường hợp phải chuyển đổi tư cách lưu trú (在留資格変更) thì học sinh cần tự làm thủ tục gia hạn lưu trú hoặc chuyển đổi tư cách lưu trú trước khi nhập học.

KÌ THI KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT

Trường hợp chưa có bằng chứng nhận JLPT trình độ N2 trở lên, kì thi Du học Nhật Bản EJU môn tiếng Nhật đạt trên 200 điểm, Kì thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT đạt trên 400 điểm v.v. thì thí sinh cần phải tham dự “Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật” do trường tổ chức. Thí sinh có thể nộp đơn xin nhập học sau khi đỗ kì thi này. Thí sinh đã có bằng chứng nhận tiếng Nhật được liệt kê phía trên không cần tham dự Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật này.

Lịch thi Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật :

★Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri, Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri tổ chức lịch thi chung. Địa điểm thi sẽ thay đổi tùy theo từng đợt thi.

Lưu ý: Kì thi đợt 1 và đợt 2 chỉ dành cho thí sinh có nguyện vọng thi vào Trường chuyên môn Ô tô Yomuri

Đợt thi	Ngày thi	Giờ tập chung	Hạn đăng ký	Địa điểm thi
Đợt 1	Ngày 16/5 (thứ 7)	14:45	Ngày 16/5 (thứ 7)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 2	Ngày 28/5(thứ 5)	14:45	Ngày 28/5(thứ 7)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 3	Ngày 23/6 (thứ 3)	14:45	Ngày 19/6 (thứ 6)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 4	Ngày 12/7 (Chủ Nhật)	14:45	Ngày 9/7 (thứ 5)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 5	Ngày 20/8 (thứ 5)	10:15	Ngày 17/8 (thứ 2)	Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri
Đợt 6	Ngày 10/9 (thứ 5)	14:45	Ngày 7/9 (thứ 2)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 7	Ngày 26/9 (thứ 7)	14:45	Ngày 23/9 (thứ 4)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 8	Ngày 11/10 (Chủ Nhật)	14:45	Ngày 7/10 (thứ 4)	Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri
Đợt 9	Ngày 28/10 (thứ 4)	14:45	Ngày 23/10 (thứ 6)	Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri
Đợt 10	Ngày 21/11 (thứ 7)	14:45	Ngày 18/11 (thứ 4)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 11	Ngày 17/12 (thứ 5)	14:45	Ngày 14/12 (thứ 2)	Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri
Đợt 12	Ngày 14/1 (thứ 5)	14:45	Ngày 8/1 (thứ 6)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri
Đợt 13	Ngày 4/2 (thứ 5)	14:45	Ngày 1/2 (thứ 2)	Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri
Đợt 14	Ngày 18/2 (thứ 5)	14:45	Ngày 15/2 (thứ 2)	Trường Khoa học công nghệ và phúc lợi y tế Yomiuri
Đợt 15	Ngày 3/1 (thứ 2)	14:45	Ngày 24/2 (thứ 4)	Trường chuyên môn ô tô Yomiuri

- **Đăng ký** Gửi đơn đăng ký đến địa chỉ trường dự định xin nhập học qua đường bưu điện. Trường hợp trực tiếp đến trường nộp phải gọi điện để hẹn lịch trước khi đến. Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện, thì đơn đăng ký phải được chuyển đến trong thời hạn đăng ký. Thí sinh cũng có thể đăng ký ngay khi tham dự buổi tư vấn tuyển sinh. Lịch các buổi tư vấn tuyển sinh xem tại trang 15, 16.
- **Giấy tờ cần thiết** ① Giấy đăng ký thi ②Giấy phô tô 2 mặt của thẻ lưu trú (khổ giấy A4)
- **Lệ phí thi** ◎Miễn phí
- **Nội dung thi** ◎Kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp), đọc hiểu, nghe ◎Thời gian thi: 90 phút
- **Kết quả thi** ◎Giấy thông báo kết quả thi sẽ được gửi tới địa chỉ của thí sinh qua đường bưu điện (trong vòng 1 tuần kể từ sau ngày thi)
- **Lưu ý** ◎Thí sinh đến muộn sẽ không được dự thi.
◎ Khi đi mang theo dụng cụ ghi chép (bút chì, bút bi, tẩy), thẻ lưu trú.

NỘP ĐƠN XIN NHẬP HỌC VÀ KỲ THI NHẬP HỌC

Thời gian tiếp nhận hồ sơ xin nhập học :

- Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri:
Từ thứ Ba ngày 1 tháng 9 năm 2020 đến Chủ Nhật ngày 1 tháng 3 năm 2021 (tham khảo trang 7)
- Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri:
Từ thứ Ba ngày 1 tháng 9 năm 2020 đến thứ Hai ngày 22 tháng 2 năm 2021 (tham khảo trang 7)
- Thí sinh cần gọi điện đặt lịch hẹn sau đó trực tiếp mang hồ sơ xin nhập học đến trường nộp. Lưu ý, trường không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
Thí sinh có nguyện vọng nộp hồ sơ sau ngày 24 tháng 2 năm 2021 hãy liên hệ với trường để biết thêm thông tin chi tiết.

Lệ phí xét tuyển : Thí sinh làm Ngân phiếu bưu điện (yubinkawase) trị giá 20000 yên, nộp ngân phiếu này cùng với hồ sơ xin nhập học.

※Lưu ý, thí sinh nhận Học Bổng phát báo do Hiệp hội học bổng khuyến học Yomiuri được miễn khoản phí xét tuyển này.

Các chế độ nhập học:

TIỀN CỬ CỦA TRƯỜNG

Áp dụng với thí sinh thỏa mãn 3 tiêu chuẩn tiền cử được liệt kê dưới đây, nhận được đơn tiền cử do hiệu trưởng trường (cơ quan) dạy tiếng Nhật đang theo học(hoặc đã tốt nghiệp) phát hành.

【Tiêu chuẩn tiền cử】

- ① Học tiếng Nhật trên 1 năm.
- ② Trường hợp chưa có bằng chứng nhận JLPT trình độ N2 trở lên, kì thi Du học Nhật Bản EJU môn tiếng Nhật đạt trên 200 điểm, Kì thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT đạt trên 400 điểm v.v. thì cần phải được đánh giá là có trình độ tiếng Nhật tương đương với trình độ được liệt kê phía trên bởi các cơ quan giáo dục tiếng Nhật (thí sinh thi đỗ Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật do trường chúng tôi tổ chức cũng được công nhận là đạt điều kiện này).
- ③ Tỉ lệ chuyên cần của trường tiếng Nhật, trường đang theo học v.v. đạt trên 90%

【Ưu đãi】 Thí sinh nộp hồ sơ xin nhập học đúng hạn nộp sẽ được hưởng chế độ giảm học phí của Nhập học tiền cử (tham khảo trang 8)

TIỀN CỬ CỦA TRƯỜNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

Áp dụng với thí sinh đang theo học (hoặc đã tốt nghiệp) trường tiếng Nhật có tên trong danh sách được trường chúng tôi chỉ định, thỏa mãn các tiêu chuẩn tiền cử liệt kê phía dưới, nhận được giấy tiền cử do trường tiếng Nhật phát hành. Danh sách tên trường được chỉ định được liệt kê ở trang 13,14.

【Tiêu chuẩn tiền cử】

- ① Có 1 trong những bằng chứng nhận sau: JLPT trình độ N2 trở lên, kì thi Du học Nhật Bản EJU môn tiếng Nhật đạt trên 200 điểm, Kì thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT đạt trên 400 điểm...
- ② Được đánh giá là có trình độ tiếng Nhật tương đương với trình độ được liệt kê phía trên bởi các cơ quan giáo dục tiếng Nhật (thí sinh thi đỗ Kì thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật do trường chúng tôi tổ chức cũng được công nhận là đạt điều kiện này).

【Ưu đãi】 Thí sinh nộp hồ sơ xin nhập học đúng hạn nộp sẽ được hưởng chế độ giảm học phí của Nhập học tiền cử (tham khảo trang 8)

NHẬP HỌC THÔNG THƯỜNG

Áp dụng với các thí sinh không nhận được giấy tiền cử được nêu phía trên.

【CÁC LOẠI GIẤY TỜ TRONG HỒ SƠ XIN NHẬP HỌC】

Yêu cầu thí sinh để các giấy tờ liệt kê phía dưới vào trong phong thư được quy định do trường phát, sau đó trực tiếp mang đến trường nộp.

1. Đơn xin nhập học (★) Dán ảnh 4cm×3cm vào đơn xin nhập học.
 2. Các mẫu giấy tờ do trường phát (★)
 - ① Sơ yếu lý lịch
 - ② Giấy khảo sát lý do ứng tuyển
 - ③ Giấy khảo sát về người liên lạc tại Nhật
 - ④ Giấy khảo sát về việc chi trả học phí và sinh hoạt phí
 - ⑤ Bản cam kết của du học sinh
 3. Giấy chứng nhận tốt nghiệp và giấy chứng nhận thành tích học tập tại nước xuất xứ (bản gốc).
 - ※ Ngoài giấy chứng nhận bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nhật, các giấy chứng nhận bằng ngôn ngữ khác phải kèm theo bản dịch tiếng Nhật.
 - ※ Người đã tốt nghiệp đại học(Cao đẳng) của Trung Quốc (trừ những người tốt nghiệp khóa học chính quy) thì sau khi nhập học cần phải nộp giấy báo cáo chứng nhận trình độ học vấn.
 4. Giấy chứng nhận triển vọng tốt nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp), giấy chứng nhận thành tích học tập, giấy chứng nhận tỉ lệ chuyên cần của trường (hoặc cơ quan) giáo dục tiếng Nhật.
 - ※ Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trường tiếng Nhật, hiện đang theo học tại các trường senmon, đại học v.v. thì cần nộp giấy tờ của cả trường tiếng Nhật đã tốt nghiệp và trường hiện đang theo học.
 5. Các loại bằng chứng nhận tiếng Nhật (có 1 trong 4 bằng chứng nhận liệt kê dưới đây)
 - ① Bằng chứng nhận Kỳ thi năng lực tiếng Nhật JLPT trình độ N2 trở lên.
 - ② Giấy thông báo thành tích Kỳ thi du học Nhật Bản EJU đạt trên 200 điểm
 - ③ Bằng chứng nhận Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại đạt trên 400 điểm.
 - ④ Giấy thông báo thi đỗ Kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật do nhà trường tổ chức.
 6. Giấy tiến cử (★)
 - ※ Thí sinh nhập học theo chế độ nhập học thông thường thì không cần nộp giấy tờ này
 7. Tem 374 yên (dùng để gửi giấy báo dự thi về cho thí sinh)
 8. Phí xét tuyển (Ngân phiếu bưu điện Yubinkawase trị giá 20000 yên)
 - ※ Thí sinh nhận Học Bổng phát báo do Hiệp hội học bổng khuyến học Yomiuri được miễn khoản phí xét tuyển này.
 9. Hộ chiếu, thẻ lưu trú, thẻ bảo hiểm quốc dân (tất cả đều là bản gốc)
 10. Sổ tiết kiệm ngân hàng, giấy chứng nhận chuyển tiền (bản gốc)... các loại giấy tờ chứng minh liên quan đến việc chi trả học phí và sinh hoạt phí (thời điểm nộp hồ sơ xin nhập học, số dư trong tài khoản cần phải đủ hoặc nhiều hơn số tiền học phí cần nộp kì đầu)
Thí sinh nhận được Học bổng phát báo của Hiệp hội học bổng khuyến học Yomiuri thì cần nộp giấy thông báo trúng tuyển học bổng (Naiteitsuchi).
- ※ Giấy tờ có gắn (★) sẽ được nhận khi đến tham quan trường, tham gia các buổi hướng dẫn tuyển sinh. Các giấy tờ thuộc mục 3, mục 9 và mục 10 sẽ được copy tại trường sau đó hoàn trả lại bản gốc cho thí sinh.

【Nội dung thi】 Kết quả của kì thi nhập học được quyết định dựa trên việc xét duyệt hồ sơ và thành tích thi của thí sinh.

- ① Xét duyệt hồ sơ (tư cách lưu trú, điều kiện nhập học, năng lực tiếng Nhật, người chi trả kinh phí v.v.)
- ① Thi viết 45 phút (viết đoạn văn khoảng 400 chữ)
- ② Thi phỏng vấn 15 phút

【Kết quả thi】 Kết quả thi sẽ được gửi bằng đường bưu điện đến địa chỉ của thí sinh trong vòng 1 tuần sau khi thi. Kết quả thi không được thông báo qua điện thoại.

【LỊCH KỲ THI NHẬP HỌC】

Lưu ý: Mỗi trường đều có lịch thi và thời hạn tiếp nhận hồ sơ khác nhau.

● TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI 0120-064-490

Khoa Thông tin Truyền thông, Khoa Kiến trúc, Khoa Điện Khí Điện tử, Khoa Phát thanh Truyền hình, Khoa Phúc lợi Điều dưỡng

Đợt thi	Ngày thi	Thời hạn nộp hồ sơ xin nhập học (không tiếp nhận hồ sơ ngày Thứ 7, Chủ Nhật, ngày lễ)
Đợt 1	Ngày 29 tháng 9 (thứ Ba)	Ngày 1 tháng 9 (thứ Ba) ~ Ngày 17 tháng 9 (thứ Năm)
Đợt 2	Ngày 20 tháng 10 (thứ Ba)	Ngày 18 tháng 9 (thứ Sáu) ~ Ngày 8 tháng 10 (thứ Năm)
Đợt 3	Ngày 10 tháng 11 (thứ Ba)	Ngày 9 tháng 10 (thứ Sáu) ~ Ngày 29 tháng 10 (thứ Năm)
Đợt 4	Ngày 24 tháng 11 (thứ Ba)	Ngày 30 tháng 10 (thứ Sáu) ~ Ngày 12 tháng 11 (thứ Năm)
Đợt 5	Ngày 22 tháng 12 (thứ Ba)	Ngày 13 tháng 11 (thứ Sáu) ~ Ngày 10 tháng 12 (thứ Năm)
Đợt 6	Ngày 26 tháng 1 (thứ Ba)	Ngày 11 tháng 12 (thứ Sáu) ~ Ngày 14 tháng 1 (thứ Năm)
Đợt 7	Ngày 14 tháng 2 (Chủ Nhật)	Ngày 15 tháng 1 (thứ Sáu) ~ Ngày 4 tháng 2 (thứ Năm)
Đợt 8	Ngày 28 tháng 2 (Chủ Nhật)	Ngày 5 tháng 2 (thứ Sáu) ~ Ngày 18 tháng 2 (thứ Năm)
Đợt 9	Ngày 10 tháng 3 (thứ Tư)	Ngày 19 tháng 2 (thứ Sáu) ~ Ngày 1 tháng 3 (thứ Hai)
	Tùy theo tình hình thực tế	Ngày 2 tháng 3 (thứ Ba) ~

● TRƯỜNG CHUYÊN MÔN Ô TÔ YOMIURI 0120-37-2959

Đợt thi	Ngày thi	Thời hạn nộp hồ sơ xin nhập học (không tiếp nhận hồ sơ ngày Thứ 7, Chủ Nhật, ngày lễ)
Đợt 1	Ngày 19 tháng 9 (thứ Bảy)	Ngày 1 tháng 9 (thứ Ba) ~ Ngày 8 tháng 9 (thứ Ba)
Đợt 2	Ngày 3 tháng 10 (thứ Bảy)	Ngày 9 tháng 9 (thứ Tư) ~ Ngày 23 tháng 9 (thứ Tư)
Đợt 3	Ngày 25 tháng 10 (Chủ Nhật)	Ngày 24 tháng 9 (thứ Năm) ~ Ngày 6 tháng 10 (thứ Ba)
Đợt 4	Ngày 8 tháng 11 (Chủ Nhật)	Ngày 7 tháng 10 (thứ Tư) ~ Ngày 20 tháng 10 (thứ Ba)
Đợt 5	Ngày 23 tháng 11 (Chủ Nhật)	Ngày 21 tháng 10 (thứ Tư) ~ Ngày 10 tháng 11 (thứ Ba)
Đợt 6	Ngày 13 tháng 12 (Chủ Nhật)	Ngày 11 tháng 11 (thứ Ba) ~ Ngày 1 tháng 12 (thứ Ba)
Đợt 7	Ngày 17 tháng 1 (Chủ Nhật)	Ngày 2 tháng 12 (thứ Tư) ~ Ngày 25 tháng 12 (thứ Sáu)
Đợt 8	Ngày 6 tháng 2 (thứ Bảy)	Ngày 8 tháng 1 (thứ Sáu) ~ Ngày 19 tháng 1 (thứ Ba)
Đợt 9	Ngày 21 tháng 2 (Chủ Nhật)	Ngày 20 tháng 1 (thứ Tư) ~ Ngày 9 tháng 2 (thứ Ba)
Đợt 10	Ngày 7 tháng 3 (Chủ Nhật)	Ngày 10 tháng 2 (thứ Tư) ~ Ngày 22 tháng 2 (Chủ Nhật)
	Tùy theo tình hình thực tế	Ngày 24 tháng 2 (thứ Tư) ~

【LƯU Ý】

- ① Việc tiếp nhận hồ sơ xin nhập học có thể kết thúc sớm hơn thời hạn nếu đã đủ chỉ tiêu tuyển sinh.
- ② Thí sinh có nguyện vọng nộp đơn xin nhập học kể từ sau đợt thi cuối cùng trở đi thì hãy liên lạc trước để biết thêm thông tin chi tiết.
- ③ Ngày giờ thi sẽ được thông báo trong phiếu dự thi. Phiếu dự thi sẽ được gửi đến địa chỉ của thí sinh trước ngày thi 3~4 ngày. Hãy liên lạc với trường trong trường hợp phiếu dự thi không được chuyển đến.

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ HỌC PHÍ

Đối với du học sinh nhập học Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri, Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri thì Học viện Khoa học Công nghệ Yomiuri có chế độ hỗ trợ tài chính riêng.

CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ ĐỐI VỚI NHẬP HỌC TIỀN CỬ

Du học sinh tự phí nhập học bằng Chế độ Tiên cử của trường, hoặc Chế độ Tiên cử của trường được chỉ định thì sẽ được miễn giảm một phần học phí khi làm thủ tục nhập học.

Thời gian áp dụng chế độ:

- Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri:
Từ thứ Ba ngày 1 tháng 9 năm 2020 đến Chủ Nhật ngày 1 tháng 3 năm 2021
- Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri:
Từ thứ Ba ngày 1 tháng 9 năm 2020 đến thứ Hai ngày 22 tháng 2 năm 2021

Số tiền miễn giảm: giảm 50000 yên

CHẾ ĐỘ HỌC BỔNG NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT

Du học sinh tự phí có bằng chứng nhận Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật JLPT trình độ N2 trở lên, hoặc thành tích Kỳ thi Du học Nhật Bản đạt trên 200 điểm sẽ được miễn giảm một phần học phí. Tuy nhiên, chế độ này không áp dụng đối với sinh viên đang hưởng chế độ học bổng của Hiệp hội học bổng khuyến học Yomiuri, học bổng quốc phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời hạn áp dụng: cho đến tháng 9 năm học thứ 2, dành cho sinh viên theo học tại trường thỏa mãn điều kiện được ghi phía trên.

Phương pháp hỗ trợ: đối với sinh viên thỏa mãn điều kiện trên khi nộp hồ sơ xin nhập học, thì sẽ được miễn giảm 50000 yên tiền học phí kỳ đầu năm 1. Đối với sinh viên thỏa mãn điều kiện trên sau khi nhập học, thì sẽ được miễn giảm 50000 yên tiền học phí của kỳ tiếp theo. (Sinh viên chỉ được nhận 1 lần duy nhất)

CHẾ ĐỘ HỌC BỔNG ĐẶC BIỆT DÀNH CHO DU HỌC SINH

Sau khi nhập học, sinh viên có tỉ lệ chuyên cần của mỗi kỳ đạt đủ tiêu chuẩn được nêu dưới đây, thì sẽ được miễn giảm một phần học phí. Chế độ này được áp dụng trong thời gian theo học tại trường. Tuy nhiên chế độ này không áp dụng đối với sinh viên đang hưởng chế độ học bổng của Hiệp hội học bổng khuyến học Yomiuri, học bổng quốc phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện xét duyệt:

Sinh viên theo học tại Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri có tỉ lệ chuyên cần trên 90%
Sinh viên theo học tại Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri có tỉ lệ chuyên cần trên 95%.

※ Tỉ lệ chuyên cần được tính bao gồm cả tiết học tiếng Nhật.

Số tiền học bổng: tổng 150000 yên (bao gồm học phí kỳ sau năm 1, kỳ đầu năm 2, kỳ sau năm 2)

Phương pháp hỗ trợ: sinh viên có tỉ lệ chuyên cần của mỗi kỳ thỏa mãn điều kiện ghi phía trên, thì sẽ được miễn giảm 50000 yên tiền học phí của kỳ tiếp theo.

HỌC PHÍ

Lưu ý, học phí của mỗi khoa khác nhau, hãy xem và xác nhận tại bảng liệt kê học phí phía dưới

Đối với thí sinh dự thi các đợt thi nhập học đến tháng 12 (đợt 1 đến đợt 6) thì có thể đóng phí nhập học và tiền học phí kì đầu (tuần cuối tháng 2) thành 2 đợt. Thí sinh sẽ được nhận “ Giấy phép nhập học” sau khi nộp xong tiền nhập học và học phí kì đầu.

Thí sinh dự thi từ tháng 1 trở đi cần đóng phí nhập học và học phí kỳ đầu cùng một lúc.

Du học sinh tự phí nhập học bằng chế độ Nhập học tiến cử được miễn giảm một phần học phí kỳ đầu (tuần cuối tháng 2). Du học sinh theo học tại trường có tỉ lệ lên lớp của mỗi kỳ đạt đủ tiêu chuẩn, thì sẽ được miễn giảm một phần học phí của kỳ tiếp theo. (thông tin chi tiết xem tại trang 8).

- ※ Số tiền ghi ở hàng dưới cùng trong bảng liệt kê học phí là tổng học phí sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí.
- ※ Ngoài tổng số tiền ghi ở hàng dưới cùng thì còn có các khoản cần đóng khác như phí sách giáo khoa, phí tài liệu giảng dạy v.v. (thông tin chi tiết xem tại trang 12).

● TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI

Khoa Thông tin Truyền thông , Khoa Kiến trúc						
	Năm 1			Năm 2		Tổng cộng
	Kỳ đầu		Kỳ sau	Kỳ đầu	Kỳ sau	
	Khi làm thủ tục nhập học	Cuối tháng 2	Cuối tháng 9	Cuối tháng 3	Cuối tháng 9	
Phí nhập học	200000 yên					
Học phí		255000 yên	255000 yên	255000 yên	255000 yên	
Phí cơ sở vật chất		155000 yên	155000 yên	155000 yên	155000 yên	
Phí thực hành		90000 yên	90000 yên	90000 yên	90000 yên	
Tổng cộng	200000 yên	500000 yên	500000 yên	500000 yên	500000 yên	2200000 yên
Số tiền sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí	200000 yên	450000 yên	450000 yên	450000 yên	450000 yên	2000000 yên

Khoa Điện khí Điện tử						
	Năm 1			Năm 2		Tổng cộng
	Kỳ đầu		Kỳ sau	Kỳ đầu	Kỳ sau	
	Khi làm thủ tục nhập học	Cuối tháng 2	Cuối tháng 9	Cuối tháng 3	Cuối tháng 9	
Phí nhập học	200000 yên					
Học phí		245000 yên	245000 yên	245000 yên	245000 yên	
Phí cơ sở vật chất		155000 yên	155000 yên	155000 yên	155000 yên	
Phí thực hành		90000 yên	90000 yên	90000 yên	90000 yên	
Tổng cộng	200000 yên	490000 yên	490000 yên	490000 yên	490000 yên	2160000 yên
Số tiền sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí	200000 yên	440000 yên	440000 yên	440000 yên	440000 yên	1960000 yên

Khoa Phát thanh Truyền hình						
	Năm 1			Năm 2		Tổng cộng
	Kỳ đầu		Kỳ sau	Kỳ đầu	Kỳ sau	
	Khi làm thủ tục nhập học	Cuối tháng 2	Cuối tháng 9	Cuối tháng 3	Cuối tháng 9	
Phí nhập học	200000 yên					
Học phí		300000 yên	300000 yên	300000 yên	255000 yên	
Phí cơ sở vật chất		160000 yên	160000 yên	160000 yên	155000 yên	
Phí thực hành		100000 yên	100000 yên	100000 yên	90000 yên	
Tổng cộng	200000 yên	560000 yên	560000 yên	560000 yên	560000 yên	2440000 yên
Số tiền sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí	200000 yên	510000 yên	510000 yên	510000 yên	510000 yên	2240000 yên

Khoa Phúc lợi Điều dưỡng						
	Năm 1			Năm 2		Tổng cộng
	Kỳ đầu		Kỳ sau	Kỳ đầu	Kỳ sau	
	Khi làm thủ tục nhập học	Cuối tháng 2	Cuối tháng 9	Cuối tháng 3	Cuối tháng 9	
Phí nhập học	180000 yên					
Học phí		295000 yên	295000 yên	295000 yên	255000 yên	
Phí cơ sở vật chất		110000 yên	110000 yên	110000 yên	155000 yên	
Phí thực hành		80000 yên	80000 yên	80000 yên	90000 yên	
Tổng cộng	180000 yên	485000 yên	485000 yên	485000 yên	485000 yên	2120000 yên
Số tiền sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí	180000 yên	435000 yên	435000 yên	435000 yên	435000 yên	1920000 yên

Khoa Bảo trì và Sửa chữa ô tô , Khoa Bảo trì và Sửa chữa Ô tô Cấp bậc 1						
	Năm 1			Năm 2		Tổng cộng
	Kỳ đầu		Kỳ sau	Kỳ đầu	Kỳ sau	
	Khi làm thủ tục nhập học	Cuối tháng 2	Cuối tháng 9	Cuối tháng 3	Cuối tháng 9	
Phí nhập học	200000 yên					
Học phí		230000 yên	230000 yên	230000 yên	230000 yên	
Phí cơ sở vật chất		140000 yên	140000 yên	140000 yên	140000 yên	
Phí thực hành		130000 yên	130000 yên	130000 yên	130000 yên	
Tổng cộng	200000 yên	500000 yên	500000 yên	500000 yên	500000 yên	2200000 yên
Số tiền sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí	200000 yên	450000 yên	450000 yên	450000 yên	450000 yên	2000000 yên

Khoa Bảo trì và Sửa chữa Ô tô Cấp độ 1 (năm 3 , 4)						
	Năm 3		Năm 4		Kỳ sau Cuối tháng 9	Tổng cộng
	Kỳ đầu		Kỳ sau	Kỳ đầu		
	Khi làm thủ tục nhập học	Cuối tháng 2	Cuối tháng 9	Cuối tháng 3		
Học phí	230000 yên	230000 yên	230000 yên	255000 yên		
Phí cơ sở vật chất	140000 yên	140000 yên	140000 yên	155000 yên		
Phí thực hành	140000 yên	140000 yên	140000 yên	90000 yên		
Tổng cộng	510000 yên	510000 yên	510000 yên	510000 yên	204000 yên	4240000 yên
Số tiền sau khi áp dụng chế độ hỗ trợ học phí	460000 yên	460000 yên	460000 yên	460000 yên	1840000 yên	3840000 yên

HOÀN TRẢ HỌC PHÍ (áp dụng với tất cả các khoa)

Từ sau khi hoàn tất các thủ tục nhập học cho đến ngày 31 tháng 3, nếu muốn huỷ việc nhập học xin vui lòng nộp đơn từ chối nhập học (điền: tên khoa xin nhập học, họ và tên, đóng dấu, lý do hủy nhập học, ngày viết đơn). Sau khi nộp đơn từ chối nhập học, ngoại trừ phí nhập học thì các khoản tiền đã đóng sẽ được hoàn trả (đối với trường hợp nhập học theo chế độ nhập học tiến cử thì khoản miễn giảm sẽ không được tính). Phí nhập học sẽ không được hoàn trả.

Tuy nhiên, trường hợp đã gia hạn visa với điều kiện là được phép nhập học tại trường (nhưng huỷ bỏ nhập học) thì sẽ được hoàn trả tiền học sau khi về nước.

Đối với các trường hợp huỷ bỏ nhập học, thời học sau ngày 1 tháng 4; hoặc trường hợp không thể gia hạn visa do tỉ lệ lên lớp, thành tích học của trường đã học trước khi nhập học, lý do từ phía học sinh v.v. thì sẽ không được hoàn trả lại tiền học phí đã đóng. Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ trực tiếp với trường.

CHI PHÍ CẦN NỘP NGOÀI HỌC PHÍ

Chi phí khác: khi làm thủ tục nhập học thì ngoài học phí ra sẽ có một số khoản phí cần đóng khác.

Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri 34500 yên	(Nội dung chi phí) Phí hiệp hội học sinh sinh viên 10000 yên, phí tổ chức các buổi hướng dẫn cho sinh viên 6000 yên, phí hỗ trợ giáo dục 15000 yên, phí khám sức khỏe định kì 1600 yên, tiền đóng góp bảo hiểm hội nhóm sinh viên 900 yên, tiền photo tài liệu 1000 yên.
Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri 33600 yên	(Nội dung chi phí) Phí hiệp hội học sinh sinh viên 10000 yên, phí tổ chức các buổi hướng dẫn cho sinh viên 6000 yên, phí hỗ trợ giáo dục 15000 yên, phí khám sức khỏe định kì 1600 yên, tiền đóng góp bảo hiểm hội nhóm sinh viên 1000 yên.

Phí sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy (nộp khi làm thủ tục nhập học)

Khoa Thông tin Truyền thông	Khoảng 18000 yên	Khoa Kiến trúc	Khoảng 115000 yên
Khoa Điện khí Điện tử	Khoảng 72000 yên	Khoa Phát thanh Truyền hình	Khoảng 12000 yên
Khoa Phúc lợi Điều dưỡng	Khoảng 42000 yên	Khoa Bảo trì và Sửa chữa Ô tô Cấp bậc 1	Khoảng 83000 yên
Khoa Bảo trì và Sửa chữa Ô tô	Khoảng 83000 yên		

- ※ Sinh viên Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri nộp các khoản tiền trên bằng tiền mặt tại buổi hướng dẫn cho sinh viên mới nhập học. Sinh viên Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri nộp các khoản tiền trên vào tháng 3 bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng.
- ※ Trên đây là bảng phí của niên khóa 2019. Học phí thực tế có thể sẽ thay đổi ít nhiều.

Các khoản phí từ năm 2 trở đi

- Trường Khoa học Công nghệ và Phúc lợi Y tế Yomiuri Năm 2: 24500 yên
- Trường Chuyên môn Ô tô Yomiuri
Năm 2: 22600 yên Năm 3: 17500 yên Năm 4: 22850 yên

- ※ Từ năm thứ 2 trở đi, sinh viên vẫn cần chi trả phí sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy.
- ※ Sinh viên tự đăng ký và thi lấy bằng lái xe ô tô (MT).

LƯU Ý

- ① Số tiền được viết phía trên là số tiền đã nộp thực tế của sinh viên nhập học năm trước. Chi phí thực tế có thể thay đổi ít nhiều.
- ② Xin lưu ý, tùy theo từng trường hợp mà có thể phát sinh thêm các khoản chi phí đi kèm.

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

【東京都】

ALCC東京学院 ARC東京日本語学校 HESED外国語学校日本橋校 国際会話学院 ICA国際会話学院
IECC日本語学校 ISI外語カレッジ ISIランゲージスクール JCT日本語学校 JCLI日本語学校
JIN東京日本語学校 JSL日本アカデミー東京校 LIC国際学院 MANABI外語学院東京校
OLJランゲージアカデミー SANKO日本語学校Sun A国際学院大江戸校 TCC日本語学校 TIJ東京日本語研修所
TOPA21世紀語学院 UJS LANGUAGE INSTITUTE YIEA東京アカデミー日本語学校 YMCA東京日本語学校
アークアカデミー新宿校 青山国際教育学院 青山スクールオブジャパニーズ
アカデミー・オブ・ランゲージ・アーツ 赤門会日本語学校 亜細亜友之会日本語学校
アン・ランゲージ・スクール イーストウエスト日本語学校 育秀国際語学院 インターカルト日本語学校
インターナショナル・スクールオブビジネス ヴィクトリア学院 ウェストコースト語学院
江戸カルチャーセンター日本語学校 エリート日本語学校 桜美林大学日本語言語文化学院留学生別科
大原日本語学院 大原簿記学校 カイ日本語スクール 学朋日本語学校 吉祥寺外国語学校 木下学園
カナン国際教育学院 共立日語学院 京進ランゲージアカデミー 銀座ワールドアカデミー
九段日本文化研究所日本語学院 現代外語学院 興和日本語学院 国際アカデミー日本語学院 国際英才学苑
国際日本語学院 国書日本語学校 サム教育学院 自修学館日本語学校 システム桐葉外語
渋谷ラル日本語学院 秀徳教育学院 秀林日本語学校 秀林外語専門学校 城東日本語学校
新宿御苑学院日本語学校 新宿国際交流学院 新宿日本語学校 新世界語学院 新日本学院 申豊国際学院
進和外語アカデミー 千駄ヶ谷日本語学校 千駄ヶ谷日本語教育研究所附属日本語学校
専門学校アジア・アフリカ語学院 ダイナミックビジネスカレッジ 玉川国際学院
中央工学校附属日本語学校 帝京大学日本語予備教育課程 千代田国際語学院 東瀛学院
東京HOPE日本語国際学院 東京YMCAにほんご学院 東京育英日本語学院 東京インターナショナル外語学院
東京上野日本語学院 東京英語専門学校 東京外語学園日本語学校 東京外語教育学院 東京外語専門学校
東京教育専門学院多摩川校 東京教育文化学院 東京ギャラクシー日本語学校 東京グローバル日本語学校
東京言語教育学院 東京工学院日本語学校 東京国際朝日学院 東京国際交流学院
東京国際大学附属日本語学校 東京国際知識学院 東京国際日本語学院
東京国際ビジネスカレッジ日本語学科 東京国際文化学院 東京国際文化教育学院 東京コスモ学園
東京語文学院日本語センター 東京三立学院 東京シゲン・アカデミー 東京芝浦外語学院
東京城北日本語学院 東京中央日本語学院 東京トランスナショナル日本語学校 東京中野日本語学院
東京日英学院 東京日本語学校 東京日本語研究所 東京日本語センター 東京日本橋外語学院
東京ノアランゲージスクール 東京ひのき外語学院 東京平井日本語学校 東京平田日本語学院
東京福祉大学日本語別科 東京福祉保育専門学校日本語科 東京富士語学院 東京ベイサイド日本語学校
東京マスダ日本語学校 東京リバーサイド学園 東京ワールド日本語学校 東京早稲田外国語学校
東進ランゲージスクール 東方国際学院 東洋言語学院 日商簿記三鷹福祉専門学校 日本外国語専門学校
日本東京国際学院 華国際アカデミー 東新宿日本語学院 にんじんランゲージスクール
ヒューマンアカデミー日本語学校 フジ国際語学院 富士日本語学校 文化外国語専門学校
ホツマインターナショナルスクール ミッドリウム日本語学校 ミツミネキャリアアカデミー日本語コース
明新日本語学校 目白大学留学生別科日本・アジア専修課程 メロス言語学院 山野日本語学校
友国際文化学院 友ランゲージアカデミー ユニタス日本語学校 横浜日本語学校 ヨシダ日本語学校
ラボ日本語教育研究所 和円日本語学 早稲田EDU日本語学校 早稲田外語専門学校日本語科
早稲田文化館 和陽日本語学院

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

【神奈川県】

YMCA健康福祉専門学校 愛心国際学院 飛鳥学院 アジア国際語学センター
岩谷学園テクノビジネス専門学校日本語科 神奈川文理学院語学研修センター 外語ビジネス専門学校
翰林日本語学院 横浜国際教育学院 横浜国際語学院 横浜国際日本語学校
横浜デザイン学院日本語学科 ロゴス国際学院 早稲田EDU日本語学校横浜校

【千葉県】

KEN日本語学院 SMIビジネスカレッジ 朝日国際学院 イーストウエスト外語専門学校 市川日本語学院
インターナショナルスクール船橋 ウィズダム国際学院 上野法科ビジネス専門学校日本語科
オンリーワン日本語学校 佐原学園 新富国際語学院 スリーエイチ日本語学校
専門学校日本国際ITカレッジ 東京JLA外国語学校 東京経営短期大学グローバルスタディセンター
東京さくら学院 習志野外語学院 成田日本語学校 双葉外語学校 幕張日本語学校 松戸国際学院
水野外語学院 みやび国際学院 明生情報ビジネス専門学校日本語科 めいと日本語学院 明友日本語学院

【埼玉県】

浦和国際学院 浦和国際教育センター 王子国際語学院 国際情報経済専門学校日本語本科 埼玉国際学園
埼玉日本語学校 中央情報専門学校 東亜国際外語学院 東京アジア学友会 東京日語学院
東洋アカデミー日本語学院 武蔵浦和日本語学院 与野学院日本語学校

【茨城県】

茨城国際学院 東海学院文化教養専門学校日本語科 日本語学校つくばスマイル 常陸学院
水戸国際日本語学校

【岩手県】

盛岡情報ビジネス専門学校日本語学科

【栃木県】

アティスインターナショナルアカデミー 好学院 国際医療福祉大学留学生別科 セントメリー日本語学院
専門学校足利コミュニティーカレッジ 東日本国際アカデミー

【群馬県】

Fuji Language School NIPPON語学院

【宮城県】

国際アカデミーランゲージスクール 仙台ランゲージスクール 仙台イングリッシュセンター日本語科

【長野県】

MANABI外語学院 専門学校長野外語カレッジ 長野国際文化学院 長野平青学園日本語科

【静岡県】

ACC国際交流学院 国際ことば学院日本語学校 静岡インターナショナルスクール 静岡日本語教育センター
富士さくら日本語学校 富士山日本語学校

【山梨県】

ユニタス日本語学校

【石川県】

北陸大学留学生別科

【岐阜県】

中日本自動車短期大学留学生別科

【三重県】

三重日本語学校

【大阪府】

大阪日本語教育センター クローバー学院

【岡山県】

岡山科学技術専門学校 日本語学科岡山外語学院 長船日本語学院
専門学校岡山ビジネスカレッジ日本語学科

【香川県】

専門学校穴吹ビジネスカレッジ日本語学科

【福岡県】

NILS くるめ国際交流学院 九州英数学館国際言語学院 九州外国語学院 さくら日本語学院
専修学校久留米ゼミナール日本語学科 西日本国際教育学院

【佐賀県】

弘堂国際学園

LỊCH CÁC BUỔI TƯ VẤN TUYỂN SINH, THAM QUAN TRƯỜNG DÀNH CHO DU HỌC SINH

Các buổi tư vấn tuyển sinh, tham quan trường dành cho du học sinh được tổ chức theo lịch được ghi phía dưới. Xin lưu ý, mỗi trường đều có lịch trình, thời gian biểu khác nhau.

Ngoài ra, nếu không tiện tham gia theo lịch phía dưới thì du học sinh có thể đăng ký tham quan trường (vào các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 10 giờ đến 16 giờ). Lưu ý, trường hợp nào cũng cần phải đăng ký trước khi đến trường.

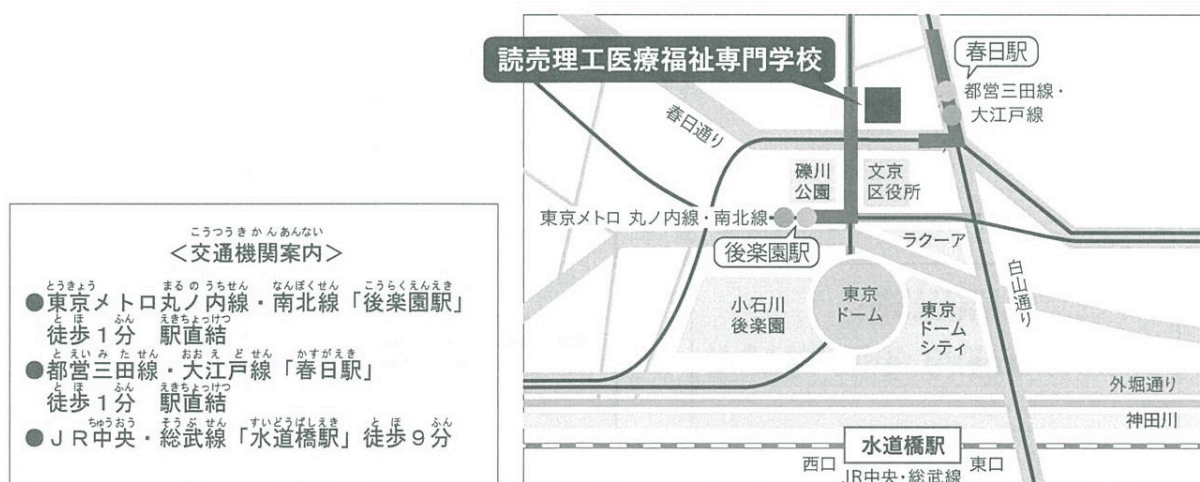
● TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI

Điện thoại tư vấn tuyển sinh (miễn phí): 0120-064-490

Email: mail@yomiuri.edu

Khoa Thông tin Truyền thông, Khoa Kiến trúc, Khoa Điện tử Điện khí, Khoa Phát thanh Truyền hình,
Khoa Phúc lợi Điều dưỡng

	Buổi tư vấn tuyển sinh	Buổi tham quan trường
	Từ 10:30 đến 12:30	Thời gian tổ chức thay đổi tùy từng đợt
Tháng 5	Ngày 17 (thứ 7), ngày 31 (Chủ Nhật)	
Tháng 6	Ngày 7 (Chủ Nhật), Ngày 21 (Chủ Nhật)	Ngày 18 (thứ Năm) ※ Từ 15:00 ~ 17:00
Tháng 7	Ngày 5 (Chủ Nhật), ngày 12 (Chủ nhật), ngày 19 (Chủ Nhật), ngày 26 (Chủ Nhật)	Ngày (thứ Năm) ※ Từ 15:00 ~ 17:00
Tháng 8	Ngày 2 (Chủ nhật), Ngày 8 (thứ Bảy), ngày 16 (Chủ nhật), ngày 23 (Chủ Nhật), ngày 30 (Chủ Nhật)	
Tháng 9	Ngày 13 (Chủ Nhật), ngày 27 (Chủ Nhật)	
Tháng 10	Ngày 11 (Chủ Nhật)	Ngày 23 (thứ Sáu), Ngày 24 (thứ Bảy) ※ Từ 11:00 ~ 14:00
Tháng 11	Ngày 8 (Chủ Nhật), ngày 21 (thứ Bảy)	Ngày 5 (thứ Năm) ※ Từ 15:00 ~ 17:00
Tháng 12	Ngày 6 (Chủ Nhật), ngày 20 (Chủ Nhật)	Ngày 3 (thứ Năm) ※ Từ 15:00 ~ 17:00
Tháng 1	Ngày 9 (thứ Bảy), ngày 24 (Chủ Nhật)	
Tháng 2	Ngày 14 (Chủ Nhật)	



TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI

Địa chỉ: 1 Chome-1-1, Koishikawa, Bunkyo-ku, Tokyo-to, 112-0002 JAPAN

Điện thoại: (+81)120-064-490

FAX: (+81)3-3812-1120

Mail: mail@yomiuri.edu

Website: <http://www.yomiuririkou.ac.jp>

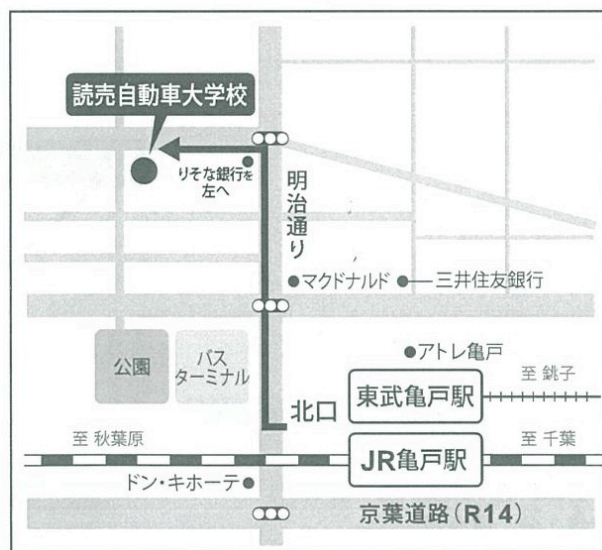
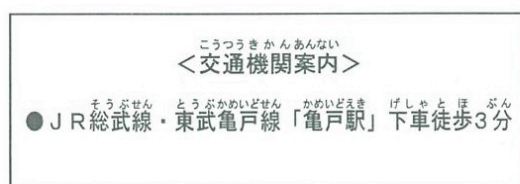
● **TRƯỜNG CHUYÊN MÔN Ô TÔ YOMIURI**

Điện thoại tư vấn tuyển sinh (miễn phí): 0120-37-2959

Email: mail@yccm.ac.jp

	Buổi tư vấn tuyển sinh dành cho du học sinh	
	Từ 10:30 ~ 12:30	Từ 13:30 ~ 16:00
Tháng 5	Ngày 16 (thứ Bảy), ngày 28 (thứ Năm)	
Tháng 6	Ngày 6 (thứ Bảy), ngày 11 (thứ Năm), ngày 18 (thứ Năm), ngày 25 (thứ Năm)	Ngày 6 (thứ Bảy), ngày 11 (thứ Năm), ngày 18 (thứ Năm), ngày 28 (thứ Năm)
Tháng 7	Ngày 4 (thứ Bảy), ngày 9 (thứ Năm), ngày 16 (thứ Năm), ngày 28 (thứ Ba)	Ngày 4 (thứ Bảy), ngày 9 (thứ Năm), ngày 16 (thứ Năm), ngày 28 (thứ Ba)
Tháng 8	Ngày 2 (Chủ nhật), Ngày 5 (thứ Tư), ngày 18 (thứ Ba), ngày 26 (thứ Tư), ngày 30 (Chủ Nhật)	Ngày 2 (Chủ Nhật), ngày 5 (thứ Tư), ngày 18 (thứ Ba), ngày 26 (thứ Tư), ngày 30 (Chủ Nhật)
Tháng 9	Ngày 5 (thứ Bảy), Ngày 26 (thứ Bảy)	Ngày 5 (thứ Bảy), ngày 15 (thứ Ba)
Tháng 10	Ngày 4 (Chủ Nhật), ngày 26 (thứ Hai)	Ngày 4 (Chủ Nhật), ngày 15 (thứ Năm)
Tháng 11	Ngày 28 (thứ Bảy)	Ngày 11 (thứ Tư), ngày 28 (thứ Bảy)
Tháng 12	Ngày 12 (thứ Bảy)	Ngày 12 (thứ Bảy), ngày 23 (thứ Năm)
Tháng 1	Ngày 16 (thứ Bảy)	Ngày 16 (thứ Bảy), ngày 28 (thứ Năm)
Tháng 2		Ngày 10 (thứ Tư), ngày 17 (thứ Tư)

Ngày hội trường (Gakuensai): thứ Bảy ngày 31/10, Chủ Nhật ngày 1 tháng 11. Thông tin chi tiết vui lòng xem tại website trường.



TRƯỜNG CHUYÊN MÔN Ô TÔ YOMIURI

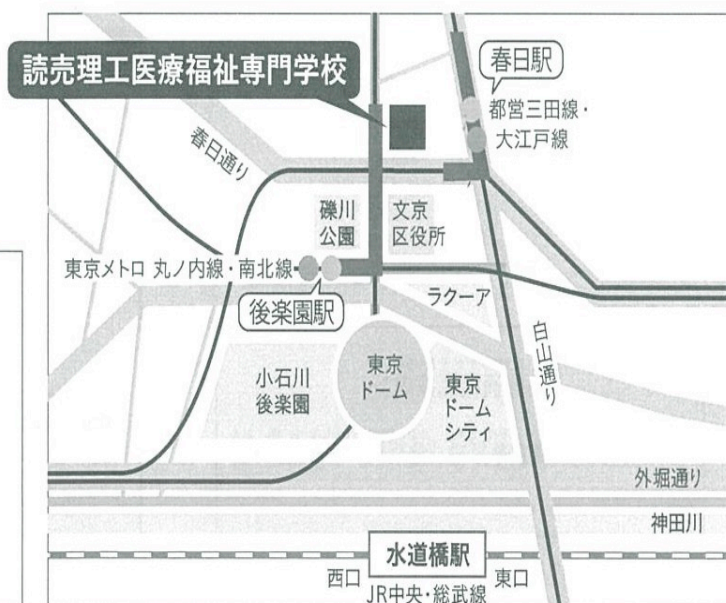
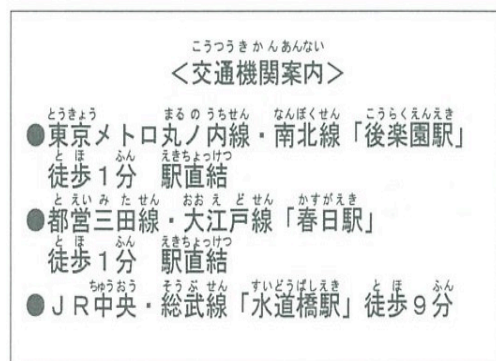
Địa chỉ: 2 Chome-28-5, Kameido, Koto-ku, Tokyo-to, 136-0071 JAPAN

Điện thoại: (+81) 120-37-2959

FAX: (+81)3-3684-7420

Mail: mail@yccm.ac.jp

Website: <http://www.yccm.ac.jp>



TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÚC LỢI Y TẾ YOMIURI

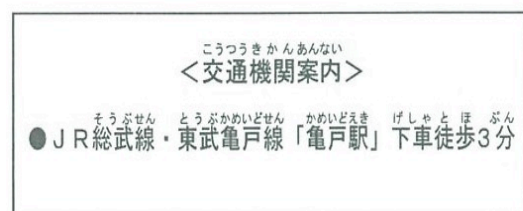
Địa chỉ: 1 Chome-1-1, Koishikawa, Bunkyo-ku, Tokyo-to, 112-0002 JAPAN

Điện thoại: (+81)120-064-490

FAX: (+81)3-3812-1120

Mail: mail@yomiuri.edu

Website: <http://www.yomiuririkou.ac.jp>



TRƯỜNG CHUYÊN MÔN Ô TÔ YOMIURI

Địa chỉ: 2 Chome-28-5, Kameido, Koto-ku, Tokyo-to, 136-0071 JAPAN

Điện thoại: (+81) 120-37-2959

FAX: (+81)3-3684-7420

Mail: mail@yccm.ac.jp

Website: <http://www.yccm.ac.jp>